

CHO CÁC DỰ ÁN ĐẶC BIỆT KÊU GỌI ĐẦU TƯ CỦA TỈNH

Điều 16. Đối tượng được áp dụng ưu đãi

1. Dự án ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất theo quy định tại Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Thông tư số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10 tháng 9 năm 2012 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Các dự án đầu tư thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt khuyến khích, kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng giai đoạn.

3. Dự án có quy mô vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên, đóng góp cho ngân sách tỉnh hàng năm từ 50 tỷ đồng trở lên (trong 03 năm liên tục) và giải quyết trên 500 lao động, kết hợp với đào tạo nghề cho lao động bậc 3/7 trở lên.

Điều 17. Hình thức áp dụng ưu đãi

Các dự án đầu tư đáp ứng được một trong các tiêu chí quy định tại Điều 16 của bản quy định này, đồng thời nhà đầu tư có cam kết thực hiện đúng các tiêu chí khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; sẽ được áp dụng các chính sách ưu đãi cụ thể như sau:

1. Về hỗ trợ đầu tư hạ tầng: Khi nhà đầu tư khởi công xây dựng các hạng mục trong khu đất thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, đường giao thông đến bên ngoài hàng rào khu đất thực hiện dự án.

2. Về hỗ trợ mở rộng thị trường đầu tư: Tùy từng dự án cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ chi phí tham gia các gian hàng trưng bày tại các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước (khi tỉnh Bình Phước có đăng ký tham gia) mức hỗ trợ từ 50% đến 100% kinh phí, nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/lần đối với doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài và không quá 20 triệu đồng/lần đối với doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong nước.

Chương V

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

CHO LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA

Điều 18. Lĩnh vực xã hội hóa

1. Lĩnh vực xã hội hóa giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp: Đảm bảo theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

2. Lĩnh vực xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách: Theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

3. Ngoài chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư chung của tỉnh cơ sở thực hiện xã hội hóa còn được hưởng những ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 19 và 20 Quy định này.

Điều 19. Ưu đãi về tiền thuê đất, khấu trừ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng

1. Cho thuê đất không thuộc các đô thị

Cơ sở thực hiện xã hội hóa không thuộc các đô thị được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

2. Cho thuê đất thuộc các đô thị

a) Đối với khu vực đô thị thuộc thị xã Đông Xoài: Miễn 10 năm tiền thuê đất nếu không thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 15 năm tiền thuê đất nếu thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 20 năm tiền thuê đất nếu thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư;

b) Đối với khu vực đô thị thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn: Miễn 15 năm tiền thuê đất nếu không thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 20 năm tiền thuê đất nếu thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 25 năm tiền thuê đất nếu thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư;

c) Đối với khu vực đô thị thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Miễn 20 năm tiền thuê đất nếu không thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 25 năm tiền thuê đất nếu thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê nếu thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Khu vực đô thị là những khu vực được quy định trong Luật Quy hoạch đô thị.

3. Việc khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng; tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào tiền thuê đất phải nộp được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì số tiền nhà đầu tư bỏ ra để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xử lý như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian của dự án thì số tiền nhà đầu tư đã trả để nhận quyền sử dụng đất được tính vào chi phí đầu tư của dự án;

- Trường hợp nhà đầu tư chỉ được miễn tiền thuê đất cho một số năm thì khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận quyền sử dụng đất được coi là khoản tiền thuê đất mà nhà đầu tư đã trả trước cho Nhà nước để được thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai. Khoản tiền này được xác định trên cơ sở giá đất theo mục đích sử dụng đất nhận chuyển nhượng tại thời điểm có quyết định của cơ quan nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không vượt quá tiền bồi thường, hỗ trợ tương ứng với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Việc xem xét miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai theo Quy định này kể từ thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Trường hợp sau khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra và xác định cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo các nội dung đã cam kết thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp tiền thuê đất đã được miễn, giảm theo chính sách và giá đất tại thời điểm được hưởng ưu đãi về đất quy định và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

- Cơ quan thuế chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về xã hội hóa và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định của cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động;

- Việc kiểm tra, xác định cơ sở xã hội hóa đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định được thực hiện như sau:

+ Sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, trong khoảng thời gian quy định tại danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quy định, cơ sở thực hiện xã hội hóa phải gửi văn bản đến cơ quan thuế để thông báo dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan để cơ quan thuế xem xét ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chính thức;

+ Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở thực hiện xã hội hóa, cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chính thức. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa không

đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì cơ quan thuế có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

c) Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa;

- Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không cân đối được ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa thì việc xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện như sau:

+ Trường hợp thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện của dự án thì cơ sở thực hiện xã hội hóa hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào ngân sách nhà nước và khoản chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án;

+ Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm một phần hoặc không được miễn, giảm tiền thuê đất thì cơ sở thực hiện xã hội hóa hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào ngân sách nhà nước và khoản chi phí này được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê) hoặc được quy đổi ra số năm, tháng đã nộp tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm) theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước nhưng không vượt quá tiền thuê đất phải nộp hoặc thời gian phải nộp tiền thuê đất của dự án. Số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thì việc xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng như sau:

+ Trường hợp thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện của dự án thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào vốn đầu tư của dự án;

+ Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm một phần hoặc không được miễn, giảm tiền thuê đất thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào số tiền thuê đất phải nộp (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê) hoặc được quy đổi ra số năm, tháng đã nộp tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm) theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước nhưng không vượt quá tiền thuê đất phải nộp hoặc thời gian phải nộp tiền thuê đất của dự án. Số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Điều 20. Ưu đãi đối với lĩnh vực xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng, công bố và chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới bến xe khách trên địa bàn tỉnh; chủ động kêu gọi xã hội hóa đầu tư, khai thác bến xe khách hoặc cân đối, bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện; đảm bảo quy hoạch vị trí các bến xe khách ổn định với thời gian tối thiểu 10 năm. Trường hợp buộc phải di dời, nhà đầu tư sẽ được ưu tiên lựa chọn đầu tư, xây dựng, khai thác bến xe khách mới trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng chế độ bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

2. Miễn tiền thuê đất: Miễn tiền thuê đất cho phần diện tích của các hạng mục công trình dịch vụ bắt buộc bao gồm khu vực đón, trả khách, bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách, phòng chờ cho hành khách, khu vực làm việc của bộ máy quản lý, khu vực bán vé, khu vực vệ sinh, đường xe ra, vào, đường nội bộ bên trong bến xe khách, đất dành cho cây xanh, vườn hoa.

Ngoài miễn tiền thuê đất nêu trên, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa còn được miễn, giảm tiền thuê đất đối với phần diện tích xây dựng các hạng mục còn lại theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này.

3. Miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này.

4. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi: Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa được hưởng ưu đãi theo Quy định này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đảm bảo về điều kiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định hiện hành;
- b) Địa điểm đầu tư xây dựng bến xe khách đúng theo quy hoạch bến xe khách và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận bằng văn bản;
- c) Hoạt động đầu tư tuân thủ Giấy phép xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Nhà đầu tư tham gia đầu tư bến xe khách theo hình thức xã hội hóa phải đảm bảo:
 - Vốn đầu tư xã hội hóa tối thiểu 70% tổng vốn đầu tư xây dựng bến xe khách (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng);
 - Tối thiểu 15% vốn đầu tư thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án và có kế hoạch bố trí đủ số vốn đầu tư còn lại.

Chương VI

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Điều 21. Các quy định chung về ưu đãi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn